TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DS-PT
Ngày 27-3-2020
V/v tranh chấp đòi tiền tạm ứng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

-***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh Phương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Ông Lê Anh Sơn

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Hương Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dânthành phố Hải Phòngtham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Bích Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khaivụ án thụ lý số 61/2019/TLPT-DS ngày 12 tháng 12 năm 2019 về tranh chấpđòi tiền tạm ứng.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số23/2020/QĐ-PT ngày 26tháng02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH Vận tải Quốc tế B, địa chỉ trụ sở: Chùa C, đường D, phường E, quận G, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Hoàng H, sinh năm 1976; nơi cư trú: Số 38A/34 đường I, phường K, quận L, thành phố Hải Phòng(theo Giấy ủy quyền ngày 08/11/2019); có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Bùi Văn M, sinh năm 1968; nơi cư trú: Đội 2 thôn N, xã O, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Bùi Văn P, sinh năm 1989, nơi ĐKHKTT: Thôn N, xã O, huyện A, thành phố Hải Phòng, hiện đang chấp hành

án tại Đội 4, Phân trại số 2 Trại giam Q Bộ Công an; vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt).

*Người kháng cáo:*Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Blà nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nhận ngày 27/3/2018; Đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/01/2019, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn Công ty TNHH Vận tải Quốc tế B (viết tắt là Công ty B) trình bày:

Anh Bùi Văn P (là con trai của ông Bùi Văn M) nguyên là nhân viên giao nhận của Phòng Dự án II- Công ty B. Công ty B và anh P ký kết Hợp đồng lao động có thời hạn từ ngày 01/10/2001, được gia hạn đến 31/12/2007. Do yêu cầu của công việc nên Công ty B đã tạm ứng một số tiền để anh P thực hiện công việc của mình. Sau khi thực hiện xong công việc anh P sẽ hoàn số tiền tạm ứng theo quy định của Công ty B căn cứ trên đơn hàng được cán bộ Phòng tài chính kế toán và Ban Giám đốc phê duyệt trên cơ sở chứng từ kèm theo. Đến cuối tháng 02 năm 2017, anh P đột xuất nghỉ việc. Công ty B được gia đình anh P thông báo là anh P nghỉ ốm. Đến đầu tháng 3 năm 2017 thì Công ty B mới biết anh P bị Công an huyện A bắt vì liên quan đến ma túy và bị Tòa án nhân dân huyện A xét xử tù giam. Hiện nay anh P đang thi hành án tạiTrại giam Q, Thủy Nguyên. Công ty B đã nhiều lần làm việc với đại diện gia đình anh Pyêu cầu phải hoàn trả lại số tiền anh P đã được Công ty Btạm ứng. Ngày 20/5/2017, ông Bùi Văn M (là bố đẻ của anh P) đã cam kết trả thay anh P số tiền còn nợ Công ty B là 1.261.164.973 đồng. Việc ông M cam kết trả thay nghĩa vụ của anh Pcó sự chứng kiến của ông Lê Văn Q, ông Nguyễn Xuân R (là những người họ hàng của ông M).Thời hạn ông Mhoàn thành nghĩa vụ trả tiền là trước ngày 15/12/2017. Ngày 25/10/2017, Công an huyện A, thành phố Hải Phòng đã trao trả cho Công ty B 87.000.000 đồng (thu giữ khi bắt anh P) là số tiền Công ty B đã tạm ứng cho anh P để đi thực hiện công việc được giao. Vì vậy, số tiền anh P còn phải hoàn trả cho Công ty B là 1.174.164.973 đồng. Tuy nhiên, kể từ sau ngày 20/5/2017, Công ty B đã nhiều lần yêu cầu ông M thực hiện cam kết trả tiền thay cho anh P nhưng ông M không thực hiện. Tháng 3 năm 2017, Công ty B đã nộp đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, Công ty Bđã vào Trại giam Q gặp anh P để chốt số tiền anh P còn nợ và anh P đã ký xác nhận còn nợ Công ty số tiền là 1.174.164.973 đồng. Nay để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình, Công ty B khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông M phải thực hiện nghĩa vụ đã cam kết ngày 20/5/2017 về việc trả nợ thay cho anh P số tiền là 1.174.164.973 đồng.

Tại văn bản ngày 20 và ngày 23/8/2019; quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn - ông Bùi Văn M trình bày:

Ông M là bố đẻ của anh Bùi Văn P.Ông M xác nhận anh P có làm việc cho Công ty B và hiện đang phải thi hành án về việc liên quan đến ma túy đúng như nguyên đơn trình bày.Ông Mxác nhận đã ký vào Biên bản làm việc ngày 20/5/2017

được lập tại Văn phòngCông ty B là vì tại thời điểm đó anh P đang bị Công an bắt giữ nên tinh thần ông M hoảng loạn, thiếu hiểu biết pháp luật; ông M sợ việc anh P nợ tiền Công ty B ảnh hưởng đến việc anh P bị bắt giữ, nếu Công ty gửi đơn cho cơ quan Công an. Mặt khác, Công ty B cũng nói với ông Mrằng, chỉ ký xác nhận vào Biên bản làm việc để làm chứng từ cho Giám đốc Công ty chuẩn bị nghỉ hưu. Trên thực tế ông M không biết anh P nợ Công ty B số tiền là bao nhiêu, chỉ là ý kiến đơn phương của Công ty B nêu ra. Khi ông M ký Biên bản làm việc ngày 20/5/2017, không được sự đồng ý của anh P. Sau này, ông M gặp anh Ptại Trại giam thìanh P nói không đồng ý cho ông M trả nợ thay; khi nào anh Pchấp hành xong hình phạt tù, anh P sẽ có trách nhiệm trả số tiền này cho Công ty B. Do vậy,ông M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty B, không đồng ý trả nợ thay cho anh P số tiền1.174.164.973 đồng.

Tại văn bản ngày 04/9/2019, ngày 04/10/2019 và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Bùi Văn Ptrình bày:

Anh P xác nhận là nhân viên giao lệnh vận tải làm việc tại Công ty B như Công ty đã trình bày. Anh P xác nhận mối quan hệ và lời trình bày của ông M. Về số tiền Công ty B đã tạm ứng để anh P thực hiện công việc, sau khi đối chiếu các chứng từ với Công ty B tại trại giam, anh P xác nhận còn nợ số tiền là 1.174.164.973 đồng. Đây là số tiền anh P còn nợ Công ty B không liên quan đến ông M. Việc ông M cam kết trả nợ thay, anh P không biết. Thời điểm đó anh P đã bị bắt về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, đang ở trại giam, không được ông M và Công ty Bthông báo về việc này. Nay Công ty B khởi kiện yêu cầu ông M phải trả thay cho anh P số tiền còn nợ, anh P thống nhất với quan điểm của ông Mlà không đồng ý. Số tiền này là nghĩa vụ của anh P nên anh P sẽ có trách nhiệm trả cho Công ty B sau khi chấp hành xong hình phạt tù. Hiện tại do anh P đang phải chấp hành hình phạt tù nên đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh P.

Với nội dung như trên, tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 08/11/2019, Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng đã căn cứ Điều 116, Điều 370của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Bvề việc buộc ông Bùi Văn M phải thực hiện nghĩa vụ trảthay anh Bùi Văn Psố tiền 1.174.164.973 đồng.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/11/2019, Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Bkháng cáo bản án sơ thẩm với lý do bản án sơ thẩm đã không bảo vệ quyền vàlợi ích hợp pháp của nguyên đơn, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử buộc ông Bùi Văn M phải thực hiện cam kết trả nợ thay cho anh P số tiền 1.174.164.973 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Công ty TNHH Vận tải Quốc tế B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn - ông Bùi Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Bùi Văn P đều đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt họ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo: Biên bản thỏa thuận ngày 20/5/2017 giữa Công ty B và ông M về việc ông M có nghĩa vụ trả nợ thay cho anh P, không được sự đồng ý của anh P, không phù hợp với quy định tại Điều 370 của Bộ luật Dân sự nên bản án sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1]Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp kiện đòi tiền tạm ứng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do vụ án có kháng cáo, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng - quy định tại khoản 2Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Bùi Văn M và anh Bùi Văn Pcó đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét kháng cáo của nguyên đơn- Công ty TNHH Vận tải Quốc tế B.

[3] Mối quan hệ giữa Công ty B và anh Bùi Văn P là mối quan hệ giữa người sử dụng lao động và người lao động. Quá trình làm việc anh P đã được Công ty Bgiao làm công việc giao nhận hàng hóa và khai thuế Hải quan. Liên quan đến công việc này, Công ty B phải tạm ứng choanh P một số tiền nhất định để thực hiện công việc được giao. Ngày 25/02/2017, anh P đã bị bắt về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và bị kết án 7 năm 06 tháng tù. Hiện anh P đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Q, Thủy Nguyên. Thời điểm anh P bị bắt, anh P vẫn là nhân viên của Công ty B (hạn Hợp đồng lao động đến ngày 31/12/2017).

[4.1] Tính đến thời điểm anh P bị bắt thì anh Pxác nhận còn nợ Công ty B số tiền đã nhận tạm ứng là 1.174.164.973 đồng. Tính đến thời điểm hiện tại anh P và gia đình chưa trả cho Công ty B.

[4.2] Ngày 20/5/2017, Công ty B đã làm việc với ông Bùi Văn M là bố đẻ của anh P. Tại Biên bản làm việc này, ông M cam kết có trách nhiệm trả nợ thay anh P cho Công ty B số tiền nêu trên theo lộ trình: Từ ngày 01/6/2017 đến ngày

31/8/2017, trả ½ số tiền nợ. Số tiền còn lại trả hết trước ngày 15/12/2017. Nhưng sau đó ông M không thực hiện cam kết này với lý do: Ông M đã ký biên bản này trong trạng thái lo sợ nếu không trả nợ thay sẽ làm ảnh hưởng đến tình trạng của anh P đang bị tạm giam,do thiếu hiểu biết pháp luật. Tại thời điểm đó, ông M cũng không biết chính xác số tiền anh P còn nợ Công ty B cụ thể như thế nào và cũng không được sự đồng ý của anh P.Lời trình bày của anh Pvàông M thống nhất với nhau.Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty B xác nhận khi làm việc với ông M ngày 20/5/2017, Công ty B chưa thống nhất được với anh P về số tiền phải hoàn trả và chưa thống nhất với anh P về yêu cầu chuyển giao nghĩa vụ trả tiền của anh Pcho ông M. Như vậy, có căn cứ để xác định: Thỏa thuận về việc ông M trả nợ thay anh P số tiền 1.174.164.973 đồng ngày 20/5/2017 giữa Công ty B và ông Bùi Văn M chỉ là thỏa thuận giữa hai bên mà chưa được người có nghĩa vụ là anh P đồng ý. Nay ông M và anh P đều từ chối việc ông M thực hiện nghĩa vụ thay cho anh P nên thỏa thuận giữa Công ty B và ông M ngày 20/5/2017 không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định của pháp luật vì thỏa thuận này không được cả ba bên -Công ty B, anh P và ông M thống nhất thỏa thuận; không phù hợp với quy định tại Điều 283,Điều370của Bộ luật Dân sự nên bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông M phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền tạm ứng thay anh P là có căn cứ. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của Công ty B, giữnguyên bản án sơ thẩm - khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

[5] Nguyên đơn - Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Bphải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật- khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Bị đơn - ông Bùi Văn M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Bùi Văn Pkhông phải

chịu án phí dân sự sơ thẩm

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

[8] Nguyên đơn - Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Bphải chịu án phí dân sự phúc thẩm - khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn - Công ty TNHH Vận tải Quốc tế B;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vàoĐiều 283, Điều 370 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vàokhoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- Công ty TNHH Vận tải Quốc tế B về việc buộc ông Bùi Văn M phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 1.174.164.973 đồng (Một tỷ một trăm bảy mươi bốn triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng) thay cho anh Bùi Văn P theo Biên bản làm việc ngày 20/5/2017 giữa Công ty TNHH Vận tải Quốc tế B và ông Bùi Văn M.

2. Về án phí:

a. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty TNHH Vận tải Quốc tế B phải nộp 47.224.949 đồng (Bốn mươi bảy triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm bốn mươi chín đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 23.612.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 4113 ngày 08/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, thành phố Hải Phòng.Công ty TNHH Vận tải Quốc tế B còn phải nộp 23.612.949 đồng (Hai mươi ba triệu sáu trăm mười hai nghìn chín trăm bốn mươi chín đồng).

- Ông Bùi Văn M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Bùi Văn Pkhông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

b. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Công ty TNHH Vận tải Quốc tế B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm số 4519 ngày 26/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, thành phố Hải Phòng.Công ty TNHH Vận tải Quốc tế B đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND huyện A, TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện A, TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Phương